

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCK. NHÀ NƯỚC VÀ WEBSITE CÔNG TY**

(BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - NĂM 2024)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Quý cổ đông Công ty CP Đồng Tiến

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Trụ sở chính: Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251. 3682248 Fax: /

Người thực hiện công bố thông tin: Ông NGUYỄN VĂN HOÀNG - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan): 0888840059.

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên Công ty cổ phần Đồng Tiến – năm 2024, theo văn bản số: 109/ĐT-BCTN, ngày 19/4/2025.

Đính kèm văn bản này là bản chính Báo cáo thường niên Công ty cổ phần Đồng Tiến – năm 2024, theo văn bản số: 109/ĐT-BCTN, ngày 19/4/2025 để báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, quý cổ đông và các bên liên quan theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS; BanTGD;
- Đăng IDS và Web Cty;
- Lưu VT, P.TCHC, TCKT, TK.HĐQT.

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hoàng

Số: 109 /ĐT-BCTN

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN****Năm báo cáo: 2024***(Theo Mẫu: Phụ lục IV - Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Kính gửi: - UBCK Nhà nước

- Quý cổ đông Công ty CP Đồng Tiến và các bên liên quan

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN
- Giấy CNĐK.DN số : 3600259810
- Vốn điều lệ : 57.374.840.000 đồng.
- Vốn đầu tư của CSH : 57.374.840.000 đồng.
- Địa chỉ : Lô 247 - Đường số 12, KCN Amata - Tp.Biên Hoà – T.Đồng Nai
- Điện thoại : (+84.251). 3682248 - Fax: (+84.251). 3682245
- E-mail : info@dovitec.com.vn - Website: www.dovitec.com.vn
- Mã cổ phiếu : /

*** Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty CP Đồng Tiến, tiền thân là một Xưởng may thuộc Công nghệ phẩm Đồng Nai – Sở Công Thương Đồng Nai, sau đó được liên doanh với Công ty May Việt Tiến (Tp. HCM) – Thuộc Bộ Công Thương để thành lập Xí nghiệp liên doanh May Đồng Tiến vào năm 1989 với vốn điều lệ 1,29 tỷ đồng, chuyên ngành sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

Vào năm 1992, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty TNHH May Đồng Tiến – Giấy phép số 02/GP-UBT.

Năm 2003 chính thức công bố thương hiệu Dovitec và nâng vốn Điều lệ lên 5,357 tỷ VNĐ.

Năm 2007 Dovitec được cổ phần hóa và lấy tên là Công ty cổ phần Đồng Tiến, gồm 2 cổ đông tổ chức là Tổng Công ty cổ phần May Việt Tiến (26%) và Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai (25%), 49% vốn còn lại của chủ yếu các cổ đông cá nhân là cán bộ công nhân viên của Việt Tiến và Đồng Tiến; khi cổ phần hoá, công ty có vốn điều lệ: 17 tỷ VNĐ và trở thành Công ty đại chúng năm 2008.

Từ năm 2006 – 2016, Dovitec có quá trình tăng vốn Điều lệ từ 17 tỷ lên 25,5 tỷ (2008), 38,25 tỷ (2012) và 57,374 tỷ (2016).

Năm 2017, Dovitec di dời Trụ sở chính và Nhà máy vào Khu Công nghiệp Amata, Biên Hoà với cơ sở sản xuất mới, xây dựng theo xu hướng nhà máy xanh, công nghệ hiện đại và tăng năng lực sản xuất, thời điểm này Công ty có tổng số lao động tăng lên toàn Công ty đạt 4000 người.

Tháng 01/2019 Công ty đưa vào hoạt động Dự án Nhà máy xanh – Xí nghiệp May 3 và đến Tháng 07/2029 thay đổi đại diện theo pháp luật, hoạt động của Công ty năm 2019 có mức tăng trưởng về doanh thu 7%, lợi nhuận 11% và vốn chủ sở hữu 12%, so cùng kỳ.

Từ 2019 đến nay, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, vượt qua khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 và suy thoái thị trường tiêu thụ hàng hoá năm 2023; đồng thời định hướng “phát triển bền vững” và tiếp tục hợp tác với khách hàng chiến lược là Decathlon (Pháp) cùng một số thương hiệu khác (Puma, Lacoste, Oakley, le coq sportif, Descente, Michael Kors,...) để sản xuất hàng xuất khẩu đi các thị trường chính: EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ,...

*** Các sự kiện khác:** Không.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh** (ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính):

May trang phục –1410 (chính); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659); bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (4669); bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (4649); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810); cho thuê xe có động cơ (7710); vận tải hàng hoá bằng đường bộ (4933); sản xuất điện (3511); truyền tải và phân phối điện (3512); bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (4641).

- **Địa bàn kinh doanh** (địa bàn hoạt động kinh doanh chính):

+ Trụ sở chính Công ty và nhà máy (Xí nghiệp May 1 và Xí nghiệp May 2): Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, p. Long Bình, tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai.

+ Chi nhánh Công ty CP Đồng Tiến – Xí nghiệp May 3: Đường Lê Duẩn, Khu phố 4, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, t. Đồng Nai.

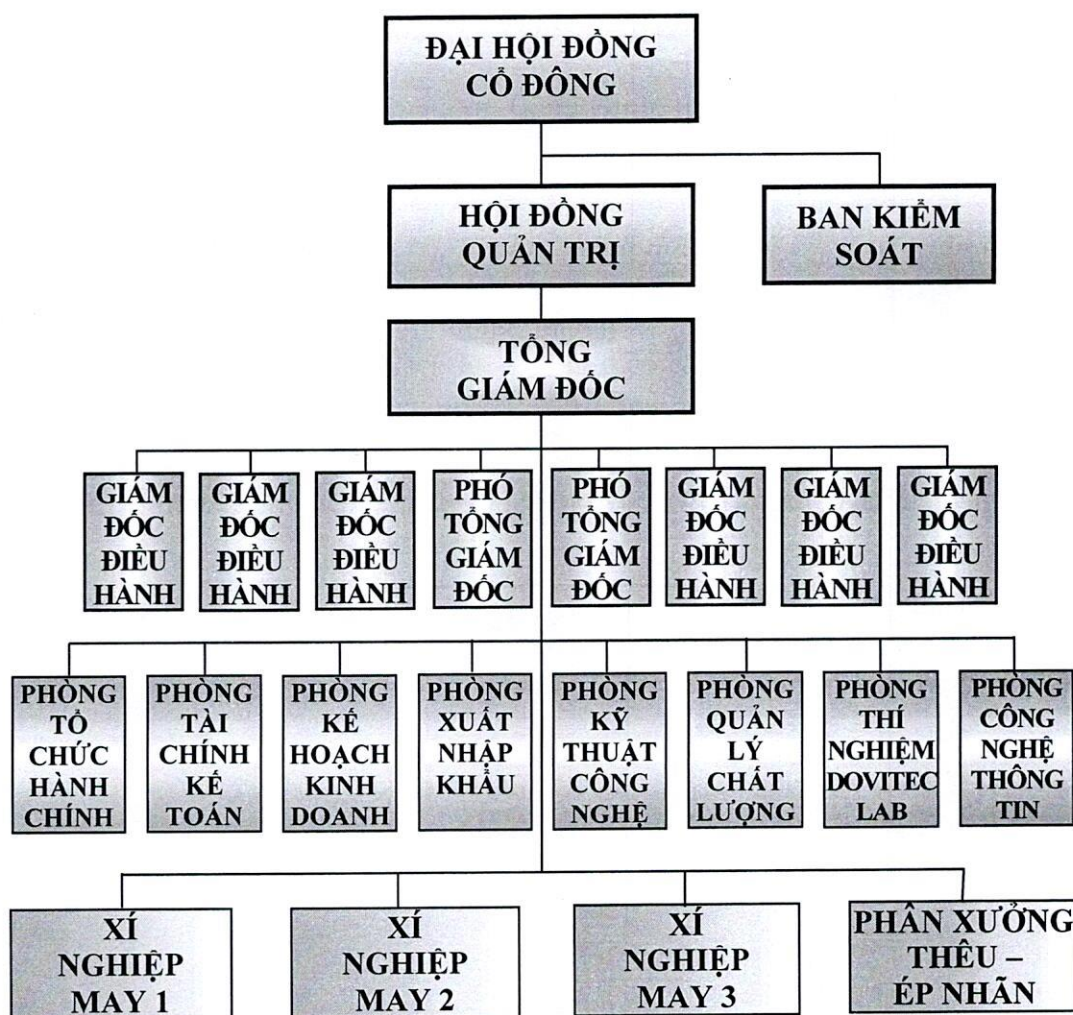
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:**

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

Công ty cổ phần Đồng Tiến hoạt động theo chế định Công ty đại chúng nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch chứng khoán. Công ty hoạt động có thành viên hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh – Xí nghiệp sản xuất) và thành viên liên kết hạch toán độc lập.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:** Tổ chức bộ máy quản trị và điều hành Công ty như sau:



- Các công ty con, công ty liên kết (hạch toán độc lập):

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ thực góp (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Dovitec (%)
1	CTCP Đồng Phú Cường (liên kết)	Lô B1 – Cụm CN Phú Cường, xã Phú Cường, h.Định Quán, t. Đồng Nai	May trang phục	19,17 / (VĐL 77,25)	26,67%
2	CTCP Đồng Phú Bình (liên kết)	Lô K, – Cụm CN Phú Cường, xã Phú Cường, h.Định Quán, t. Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng	11 / (VĐL 25)	44%
3	CTCP đầu tư và phát triển Bình Thắng (liên kết)	Số 7 – Lê Minh Xuân, P7, Q.Tân Bình, Tp.HCM	Kinh doanh bất động sản, hạ tầng công nghiệp	6,53 / (VĐL 32)	20,4%
4	CTCP nguyên phụ liệu dệt may Bình An (liên quan)	127, Lê Văn Chí, P.Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	Nguyên phụ liệu dệt may	2 / (VĐL 111)	1,8%
Tổng giá trị góp vốn				38,713	

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Tăng trưởng bình quân hàng năm (GTSXCN, Doanh thu) từ 5 đến 15%.
- + Hiệu quả SXKD: Duy trì có lợi nhuận tích lũy dương, bảo toàn và phát triển vốn.
- + Tạo công ăn việc làm, an sinh xã hội; tăng thu nhập lao động đáp ứng theo năng suất.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Về ngành nghề kinh doanh: Tiếp tục kinh doanh ngành may mặc làm nền tảng, trên cơ sở duy trì phương thức kinh doanh đang có hiệu quả nhất cho doanh nghiệp (CM), phát triển phương thức kinh doanh hàng xuất khẩu bán đứt (FOB), tiến tới thực hiện chuỗi giá trị may mặc ODM/OBM, trong đó dần chủ động phát triển trước ODM nội địa.

+ Phát triển thành Công ty kinh doanh đa ngành nghề, trên cơ sở góp vốn đầu tư vào chuỗi cung ứng sản phẩm dệt may (nguyên phụ liệu dệt may), khai thác dịch vụ (thí nghiệm dệt may) và các ngành phát triển, khai thác bất động sản công nghiệp.

+ Về thị trường: Duy trì khách hàng truyền thống và dần cân bằng 3 thị trường xuất khẩu chính: EU, Nhật bản, Hoa Kỳ; mở rộng sang thị trường Hàn Quốc và Trung Quốc; đồng thời, quan tâm phát triển thị trường nội địa.

+ Về nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp: Tăng cường đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý trẻ, giỏi, làm việc theo phong cách quản lý hiện đại kết hợp và kế thừa đội ngũ quản lý có kinh nghiệm; áp dụng các biện pháp quản lý mới, tinh gọn, hiệu quả; duy trì hệ thống quản lý về cơ bản và liên tục cải tiến để phát huy hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Về chính sách đối với người lao động: Phát huy chính sách đãi ngộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và liên tục cải thiện điều kiện lao động ngày càng tốt hơn cho người lao động; đồng thời tăng cường thực hiện kỷ luật lao động. Tập trung cải cách mạnh về chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi để đảm bảo duy trì và giữ chân nguồn nhân lực.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Đảm bảo hài hòa lợi ích các bên theo 3Ps: Con người (người lao động, cộng đồng dân cư)/People – Lợi ích (lợi nhuận công ty, lợi cho cổ đông)/Profit – Môi trường (bảo vệ môi trường, xanh hoá)/Planet, để Công ty phát triển bền vững.

+ “Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và sản xuất thông minh” là mục tiêu chiến lược và tất yếu của Công ty.

5. Các rủi ro:

- + Rủi ro tín dụng (Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán – Trang 41, mục VI.4.).
- + Rủi ro thanh khoản (Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán – Trang 41, mục VI.5.).
- + Rủi ro thị trường (Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán – Trang 42, mục VI.6.).
- + Ngoài ra, trong quá trình hoạt động thời gian qua Công ty gặp phải những rủi ro: dịch bệnh Covid-19 (năm 2020-2021); hoả hoạn năm 2021; chiến tranh, xung đột quân sự Châu Âu, Trung đông, khủng hoảng hàng hải tại Biển đỏ,... từ năm 2022, nhưng vẫn còn gây hậu quả dai dẳng đến nay.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

* Tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm qua so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu cùng kỳ năm trước như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So với kế hoạch năm 2024	So với năm 2023
1. Doanh thu gia công	Triệu USD	20,3	23,0	23,9	104%	118%
2. Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.483	1.600	1.868	117%	126%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,9	20,0	66,43	332%	953%
4. Khấu hao	Tỷ đồng	45,04	40,0	33,7	84%	75%
5. Đầu tư	Tỷ đồng	4,7	34,0	35,7	105%	760%
6. Năng suất lao động	USD/người/tháng	625	660	702	106%	112%
7. Lao động DS bình quân	Người	3.349	3.500	3.274	94%	98%
8. Thu nhập bình quân	Tr đồng/người/tháng	9,405	10,01	12,2	122%	130%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ:

+ Các chỉ tiêu tăng trưởng về doanh thu gia công (CM), doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ đều tăng so với kế hoạch và so với cùng kỳ là do Công ty có những thuận lợi hơn về hàng hoá và đã tập trung mọi biện pháp tăng năng suất lao động.

+ Các chỉ tiêu hiệu quả SXKD:

* Về lợi nhuận tăng mạnh là do Công ty đạt giảm chi phí lãi vay, tăng thu nhập khác từ thanh lý tài sản, giảm trích dự phòng cháy kho, tỷ giá USD tăng nên có tích lũy cao hơn,...

* Về thu nhập bình quân người lao động tăng do Công ty đã linh hoạt xử lý chính sách để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực khi thị trường lao động có sự biến động lớn và cạnh tranh của các doanh nghiệp khác.

* Đã tạm ứng chi cổ tức cho cổ đông năm 2024 với mức 20% vốn điều lệ.

* Nộp ngân sách tăng mạnh do nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tổng cộng hơn 13,3 tỷ = 211% so cùng kỳ).

+ Các chỉ tiêu phát triển: Hiện khấu hao của Công ty giảm dần sau thời gian dài không đầu tư mở rộng, khấu hao tài sản dần hết nguyên giá; tuy nhiên, việc đầu tư (chủ yếu đầu tư chiều sâu) tăng trong năm để phát triển công nghệ sản xuất tăng năng suất lao động, phát triển quản lý thông qua chuyển đổi số và đầu tư cải tạo nhà xưởng sau thời gian sử dụng trên 7 năm đã bộc lộ những bất hợp lý và có sự xuống cấp.

2. Tổ chức và nhân sự
- Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc	1965	Cử nhân kinh tế	Số 22/12, KP6, p. Thống Nhất, tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai	176.040	3,07%	
2	Vũ Thu Ngọc Thành	Phó TGD	1979	Cử nhân quản trị kinh doanh	Số 8/9, Tổ 16, KP3, p. Bửu Long, tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai	287.000	5,00%	
3	Nguyễn Ngọc Sơn	Phó TGD	1969	Cử nhân quản trị kinh doanh	Số 9A, KP6, p. Trung Dũng, tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai	30.172	0,53%	
4	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Giám đốc điều hành	1970	Cử nhân kế toán	Số 1A, tổ AK, KP4, p. Tân Phong, tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai	5.820	0,10%	
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc điều hành	1975	Cử nhân quản trị kinh doanh	Số 22/2B, tổ 3, KP4, p. An Bình, tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai	3.746	0,07%	
6	Phan Văn Thân	Giám đốc điều hành	1969	Trung cấp kinh tế	Số 52/526, KP 4, p. Mai, tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai	0	0%	
7	Phạm Văn Đoan	Giám đốc điều hành	1966	Cử nhân Công nghệ may	Số 119/4, KP2, p. Tân Mai, tp. Biên Hòa, t. Đồng Nai	0	0%	Bỏ nhiệm Th05/2024
8	Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành	1965	12/12	57/35 Phạm Ngọc Thạch, p. Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	29.565	0,52%	
9	Huỳnh Nguyễn Cảnh Thịnh	Giám đốc điều hành	1989	Kỹ sư kỹ thuật hệ thống công nghiệp	590A - Phạm Văn Chí, phường 8, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	0	0%	Miễn nhiệm từ Th02/2024
10	Hoàng Thị Hồng Nhung	Giám đốc điều hành	1993	Cao đẳng Quản trị kinh doanh	40 Hưng Long, xã Hưng Thịnh, h. Trảng Bom, t. Đồng Nai	0	0%	Bỏ nhiệm Th12/2024

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2024 vừa qua, có 01 Giám đốc điều hành xin thôi việc và được miễn nhiệm từ Tháng 02/2024; sau đó đến Tháng 05 và Tháng 12/2024, HĐQT đã bổ nhiệm thêm 02 thành viên ban điều hành. Trong đó: 01 người phụ trách điều hành sản xuất Công ty; 01 người phụ trách công tác đối ngoại của Công ty và điều hành một đơn vị thành viên (Công ty CP Đồng Phú Cường) để tăng cường công tác quản lý của công ty; do đó, đến nay Ban điều hành có tổng số 09 thành viên thuộc nhiệm kỳ 2022 – 2026.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số cán bộ chức danh quản lý trong Công ty là: 34 người, bằng 121% cùng kỳ.
- Tổng số lao động bình quân trong năm 2024 là: 3.274 người, bằng 98% so cùng kỳ (3.343). Trong đó:
 - + Khối văn phòng Công ty là: 343 người, bằng 10% tổng lao động và bằng 102% cùng kỳ.
 - + Công nhân viên khối sản xuất là: 2931 người, bằng 90% tổng lao động và bằng 98% cùng kỳ.
- Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - + Công nhân trực tiếp SX hưởng lương sản phẩm (dựa trên doanh thu sản xuất gia công thuần túy của Tổ May và Xí nghiệp); công nhân viên khối văn phòng Công ty hưởng lương thời gian, căn cứ theo kết quả doanh thu SXKD hàng tháng.
 - + Trong năm 2024 Công ty có sự thay đổi lớn nhất trong chính sách đối với người lao động chính là linh hoạt điều chỉnh kịp thời các chính sách “giữ chân và thu hút lao động” như: Tăng lương tối thiểu 6%, tăng tỷ giá tính lương 4,6%, tăng đơn giá tính lương cho công nhân may trực tiếp sản xuất 5%, tăng mức thưởng khuyến khích công nhân, tăng cường và tăng mức chi thưởng theo thời gian làm việc, thưởng tích cực làm việc, thưởng thi đua, thưởng tháng lương thứ 13..., từ đó góp phần tăng năng suất lao động 12% so với cùng kỳ và tăng thu nhập cho người lao động 22% so với kế hoạch và 30% so với cùng kỳ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2024, Công ty thực hiện đầu tư trong là: 35,7 tỷ (số đã điều chỉnh). Cụ thể như sau:
- Đầu tư máy móc thiết bị, hệ thống điện phục vụ sản xuất: 23 tỷ (kế hoạch 24,6 tỷ, chưa thực hiện hết 1,6 tỷ).
 - Đầu tư MMTB có nguyên giá dưới 30 triệu, chuyển từ công cụ dụng cụ thành tài sản cố định (theo yêu cầu của Ban KS): 3,3 tỷ.
 - Đầu tư phần mềm chuyển đổi số: 1,3 tỷ.
 - Cải tạo nhà xưởng (nhà văn phòng, cảnh quan); bảo trì, bảo dưỡng công trình: 8,1 tỷ.

b. Các công ty con, công ty liên kết có kết quả SXKD trong năm 2024 như sau:

- Công ty cổ phần Đồng Phú Cường, thành lập tháng 10/2012, vốn điều lệ 77,25 tỷ đồng, chuyên sản xuất và kinh doanh hàng may mặc – đây là Công ty liên kết của Công ty CP Đồng Tiến, với số vốn góp là: 19,1 tỷ đồng (26,15%). Năm 2024, Công ty CP Đồng Phú Cường hoạt động có doanh thu đạt: 354 tỷ đồng (bằng 103% cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế đạt: 11,98 tỷ đồng, nhưng còn lỗ lũy kế: 95,97 tỷ đồng, khấu hao 14,83 tỷ đồng (bằng 93 % cùng kỳ), dự định không chia cổ tức cho cổ đông.
- Công ty cổ phần Đồng Phú Bình, thành lập tháng 6/2008, vốn điều lệ 25 tỷ đồng, chuyên đầu tư khai thác hạ tầng công nghiệp – đây là Công ty liên kết của Công ty CP Đồng Tiến, với số vốn góp là: 11 tỷ đồng (44%). Năm 2024, Công ty CP Đồng Phú Bình hoạt động có doanh thu đạt: 12,78 tỷ đồng (bằng 101% cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế đạt 2,78 tỷ đồng (bằng 118 % cùng kỳ), khấu hao 3,75 tỷ đồng (bằng 82% cùng kỳ), dự định không chia cổ tức cho cổ đông.
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bình Thắng, thành lập tháng 6/2004, vốn điều lệ: 32 tỷ đồng, chuyên đầu tư khai thác hạ tầng công nghiệp – đây là Công ty liên kết của Công ty CP Đồng Tiến, với số vốn góp là: 6,5 tỷ đồng (20,4%). Năm 2024, Công ty CP đầu tư phát triển Bình Thắng hoạt động có doanh thu đạt: 5,28 tỷ đồng (bằng 186 % cùng kỳ), lợi nhuận sau thuế đạt: 1,05 tỷ đồng (bằng 19% cùng kỳ), khấu hao 1,04 tỷ đồng (bằng 242 % cùng kỳ), dự định không chia cổ tức cho cổ đông.

- Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An, thành lập tháng 3/2004, vốn điều lệ: 111 tỷ đồng, chuyên sản xuất và kinh doanh nguyên phụ liệu dệt may và chỉ may – đây là Công ty liên quan của Công ty CP Đồng Tiến, với số vốn góp là: 2 tỷ đồng (1,8%). Năm 2024, Công ty CP nguyên phụ liệu dệt may Bình An hoạt động có doanh thu đạt: 86 tỷ đồng (bằng 121 % cùng kỳ), lỗ: 10,04 tỷ đồng, lỗ lũy kế: 12,14 tỷ đồng, khấu hao: 12,49 tỷ đồng (bằng 131 % cùng kỳ), dự định không chia cổ tức cho cổ đông.

4. Tình hình tài chính năm 2024:

a. Tình hình tài chính (theo BCTC đã kiểm toán):

Chỉ tiêu	Năm 2023 (VNĐ)	Năm 2024 (VNĐ)	% tăng (+)/ giảm (-)
1. Tổng giá trị tài sản	778.262.055.597	917.583.273.695	+ 17
2. Doanh thu thuần	1.483.564.509.595	1.868.445.432.679	+ 25
3. Lợi nhuận từ hoạt động k/doanh	16.088.763.386	70.234.293.923	+ 336
4. Lợi nhuận khác	(9.120.222.569)	(3.797.377.638)	- (58)
5. Lợi nhuận trước thuế	6.968.540.817	66.436.916.285	+ 853
6. Lợi nhuận sau thuế	4.900.319.121	53.075.921.893	+ 983
7. Lãi cơ bản/ cổ phiếu (EPS)	743	7.216	+ 871
8. Vốn chủ sở hữu	177.243.657.067	198.561.682.143	+ 12
9. Tỷ lệ chi cổ tức (tổng chi cổ tức) (chủ yếu từ nguồn Lợi nhuận tích lũy, theo NQ.ĐHĐCĐ)	15% (8,606 tỷ)	50% (28,687 tỷ) (số dự kiến, chờ NQ của ĐHĐCĐ)	+ 233

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	1,09	1,10	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,73	0,82	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,77	0,78	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,39	3,62	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho BQ	6,19	8,08	Lần
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,91	2,04	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/ DT thuần	0,33	2,84	%
+ LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	2,76	26,73	%
+ LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,63	5,78	%
+ LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	1,08	3,75	%
+ LN sau thuế/ Vốn điều lệ	8,54	92,51	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 5.737.484 cổ phần.
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông.
- Vốn điều lệ đến 31/12/2024 : 57.374.840.000 đồng.

b. Cơ cấu cổ đông: 223 cổ đông, trong đó:

- 02 Cổ đông tổ chức (nắm giữ 51,06% vốn điều lệ):
 - + Tổng Cty CP May Việt Tiến nắm giữ: 1.495.125 cổ phần, tương ứng 26,06% vốn điều lệ.
 - + Quỹ đầu tư phát triển T. Đồng Nai nắm giữ: 1.434.375 cổ phần, tương ứng 25% vốn điều lệ.
- 221 Cổ đông là cá nhân khác nắm giữ: 2.807.984 cổ phần, tương ứng 48,94% vốn điều lệ. Trong đó: 01 Cổ đông lớn là cá nhân nắm giữ: 287.000 cổ phần, tương ứng 5,0 % vốn điều lệ.
- Không có cổ đông nước ngoài.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn điều lệ trong năm 2024 không tăng, vẫn giữ nguyên là: 57.374.840.000 đồng.
- Trong năm 2024 không phát hành trái phiếu và cổ phiếu.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (ESG):

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp (scop1+2): CO2 là: 77,6 tấn, bằng 50% so cùng kỳ.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:
 - + Thay đổi lò hơi tổng đốt than chuyển sang nồi hơi điện cục bộ cho từng vị trí là hơi.
 - + Mua chứng chỉ IREC cho 100% lượng điện tiêu thụ.
 - + Lắp đặt máy nước nóng năng lượng mặt trời cung cấp nước nóng cho nhà ăn để giảm bớt tiêu thụ gas sau khi không còn lò hơi tổng.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ của Công ty trong năm: Nguyên liệu chính là vải các loại với ước tính tiêu thụ khoảng 29.990.544 mét vải các loại (118% cùng kỳ).

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không đáng kể, chủ yếu vật liệu đóng gói (giấy, nhựa).

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm: 3,462,965 Kw, bằng 117% so cùng kỳ; tổng trị giá chi phí điện là: 7,774,180,291 đồng, bằng 124% so cùng kỳ (tăng do dùng nồi hơi điện).
- Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ cho các phương tiện vận tải: 45,354 lít xăng dầu các loại, bằng 76% cùng kỳ (53,401 lít), trị giá chi phí tiêu thụ: 870,091,631 đồng, bằng 65% so cùng kỳ.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không xác định.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); **báo cáo kết quả của các sáng kiến này:** Không xác định.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm: 70,481 m3, bằng 112% so với cùng kỳ; tổng trị giá chi phí nước là: 826,856,325 đồng, bằng 112 % so cùng kỳ. Toàn bộ nước sử dụng là nước dùng cho sinh hoạt không tiêu thụ nước cho các quy trình sản xuất công nghiệp.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 triệu đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động: 3.274 người (bằng 98% cùng kỳ), **mức lương (thu nhập) trung bình đối với người lao động:** 12,2 triệu đồng/ người/ tháng, bằng 130 % so cùng kỳ.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn TNXH, An toàn sức khỏe của khách hàng và theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong đó, Công ty đã được cấp Chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế về TNXH - SA 8000 và WRAP của Hoa Kỳ, Sedex-Smeta, HRP của Decathlon....

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Chủ yếu đào tạo công nhân may công nghiệp với số lượng khoảng 1.485 lượt người (bằng 155% so cùng kỳ), mỗi người đào tạo tối đa từ 1 đến 3 tháng với tổng số giờ bình quân là: 308.656 giờ (so cùng kỳ bằng 155%), tính theo mức lương tối thiểu vùng thì tổng chi phí đào tạo đạt khoảng 7,4 tỷ đồng (bằng 164 % so cùng kỳ 4,5 tỷ đồng).

- Đào tạo và huấn luyện khác: Về công tác an toàn vệ sinh lao động, thực phẩm, PCCC, môi trường... theo quy định của pháp luật và theo các tiêu chuẩn quản lý về TNXH trong Công ty.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Ngoài công tác đào tạo trên thì Công ty có các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp đối với cán bộ, công nhân viên để đề bạt lên cấp quản lý.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cho cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Trong năm 2024 Công ty có các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng, trách nhiệm xã hội khác đối với người lao động, như:

+ Chi hỗ trợ chăm lo đời sống CBCNV và con CBCNV của Công ty nhân các dịp lễ tết là: 5,802 tỷ đồng; chi công tác xã hội từ thiện, trợ cấp khó khăn cho CBCNV của Công ty 37 triệu đồng.

+ Chi ủng hộ các địa phương xây dựng công trình xã hội, xây nhà tình thương, phòng chống thiên tai và trách nhiệm phát triển cộng đồng, nạn nhân chất độc màu da cam... nhân các dịp lễ tết và hội thao hội nghị là: 120 triệu đồng;

+ Chi hỗ trợ cho CBCNV tham quan du lịch, học tập trong và ngoài nước, tổng cộng là: 4,743 tỷ đồng.

+ Ủng hộ các hoạt động xã hội từ thiện khác như khuyến học, hỗ trợ thanh niên và tiếp tục phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ VNAH tại Nhơn Trạch và Xuân Lộc – Đồng Nai, với tổng số tiền là: 19 triệu đồng, bằng 46.65 % so cùng kỳ (41 triệu đồng).

- Tổng số tiền làm công tác xã hội từ thiện khác và chi từ Quỹ phúc lợi năm 2024 là: 370 triệu đồng, bằng 336 % so cùng kỳ (110 triệu đồng).

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Hiện Công ty chưa tham gia cũng như chưa thụ hưởng được nguồn vốn từ thị trường vốn xanh theo các đề án của UBCK Nhà nước.

II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH MỌI MẶT CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:

* Những điểm thuận lợi:

- Tình hình thị trường về hàng hoá cho sản xuất đã tốt hơn:
 - + Thị trường tiêu thụ hàng may mặc phục hồi nên đủ nguồn hàng hoá, giá cả ổn định.
 - + Duy trì được khách hàng truyền thống (Decathlon, Teijin, Itochu...), phát triển thêm nhánh khách hàng mới (VF, Royne,... để sản xuất nhãn hàng Dickies, Puma, Lacoste...).
- Tình hình tài chính đáp ứng cho hoạt động kinh doanh đã ổn định:
 - + Lãi suất giảm 0,6% so cùng kỳ (3,6%/4,2%); xuất hàng nhanh giảm tồn kho; các khoản vay giảm nên giảm được chi phí tài chính, tăng hiệu quả lợi nhuận.
 - + Tỷ giá USD tăng (khoảng 5%) nên nguồn doanh thu USD qua CM làm tăng lợi nhuận.
 - + Dòng tiền công ty lớn, đạt được sự tín nhiệm cao nên được các ngân hàng tài trợ vốn.
- Công ty có nguồn lực khá lớn, cả hệ thống (gồm Đồng Tiến + Đồng Phú Cường), có:
 - + Hơn 5.500 lao động, công nhân may có tay nghề và làm được đa dạng các loại sản phẩm;
 - + Đội ngũ quản lý có đủ năng lực quản lý, điều hành sản xuất.
 - + 103 chuyên may sẵn sàng đáp ứng sản xuất lớn, nhỏ của khách hàng.

* Những khó khăn thách thức:

- Thị trường có nhiều áp lực hơn về hàng hoá và sản xuất:
 - + Xu hướng giao hàng nhanh và kể cả bán hàng online nên tiến độ giao hàng rất gấp.
 - + Khủng hoảng hàng hải tại Biển Đỏ nên kéo dài thời gian giao hàng (15 ngày), nên thị trường Châu Âu áp lực rút ngắn thời gian sản xuất.
 - + Cạnh tranh về giá sản phẩm luôn chịu áp lực yêu cầu giảm giá từ khách hàng.
- Về nguồn nhân lực vẫn phải chịu sự biến động mạnh (nghỉ 1232/ LĐ cuối kỳ 3408 người, chiếm tỷ lệ 36%) và áp lực chi phí nhân công lớn (chiếm 65-70% doanh thu CM); do:
 - + Cạnh tranh, lôi kéo tuyển dụng giữa các công ty khi thị trường có những thuận lợi.
 - + Áp lực tăng lương tối thiểu và tăng thu nhập, chế độ, thưởng, phúc lợi để giữ chân lao động.
- Chi phí sản xuất vẫn cao, do:
 - + Năng suất sản xuất nhiều mặt hàng còn thấp so với đơn vị cùng ngành.
 - + Việt Nam vẫn chưa chủ động được chuỗi cung ứng, đặc biệt nguồn nguyên phụ liệu.
 - + Khách hàng có những yêu cầu ngày càng cao về đánh giá về chất lượng, trách nhiệm xã hội, môi trường, an toàn...; đòi hỏi Công ty phải tăng chi phí, đầu tư, cải tạo đáp ứng các yêu cầu.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Duy trì được doanh thu tương đối cao và có lợi nhuận tăng mạnh trên 853% so cùng kỳ, để đảm bảo lợi ích cho cổ đông, như: Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 7.216 đồng/ cổ phiếu (bằng 971% cùng kỳ), lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 26,73%, với mức chi cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt (dự kiến) là 50% vốn điều lệ.
- Năng suất lao động đạt 702 USD/ người/ tháng, tăng 12% so cùng kỳ.
- Thu nhập bình quân người lao động tăng 22% so với kế hoạch và tăng 30% cùng kỳ.
- Tập trung đầu tư chiều sâu (Máy móc thiết bị hiện đại) để tăng năng suất trong điều kiện nguồn lao động biến động giảm mạnh, đạt tỷ lệ tự động hoá 12%.
- Giữ được khách hàng lớn và thị trường truyền thống, thị phần xuất khẩu trên doanh thu cho các thị trường Châu Âu (EU28) 70%, Nhật bản 20%, Hoa Kỳ và phát triển thêm được các thị trường khác, đạt 10%. Góp phần từng bước cân bằng thị trường.
- Công ty thành viên liên kết - Công ty CP Đồng Phú Cường đã bắt đầu có lãi.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Công ty là 917 tỷ, bằng 118% so cùng kỳ. Trong đó: Tài sản ngắn hạn 786 tỷ đồng, tăng 24% so cùng kỳ do tăng mạnh dòng tiền và giảm tồn kho. Tuy nhiên, tài sản dài hạn còn 130 tỷ đồng, giảm 12% so cùng kỳ, do giảm phải thu dài hạn và giảm tài sản cố định vì đã khấu hao qua thời gian dài sau đầu tư, trong khi thời gian qua không còn đầu tư lớn cho mở rộng sản xuất.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tình hình nợ phải trả hiện tại Công ty là: 719 tỷ đồng, tăng 19% so cùng kỳ. Trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn là 713 tỷ đồng, tăng 23% so cùng kỳ, do ảnh hưởng mạnh từ tăng 83% khoản phải trả người bán ngắn hạn; nhưng nợ dài hạn chỉ còn 5,6 tỷ, giảm 75% so cùng kỳ, do đã giảm mạnh các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Công ty không có nợ phải trả quá hạn, nhưng trong năm qua tình hình tăng tỷ giá USD cũng tạo cơ hội tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty do có nguồn doanh thu lớn về ngoại tệ mà không phải mua quá nhiều hàng từ nhập khẩu (chủ yếu gia công là chính).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, Công ty không thành lập thêm nhà máy mới và không cổ phần hóa thành lập thêm doanh nghiệp thành viên.

- Bộ máy quản lý và điều hành của Công ty vẫn duy trì theo hướng tính gọn và đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành ở cấp Công ty.

- Hệ thống quản lý về chất lượng, trách nhiệm xã hội, an ninh, an toàn, môi trường vẫn được duy trì cơ bản; tuy nhiên, trong thời gian tới còn nhiều vấn đề cần phải cải tiến, đầu tư và tăng cường tính thực thi nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu đánh giá của khách hàng.

- Trong năm 2024, trong công tác điều hành đã kịp thời thay đổi chính sách khen thưởng, thu hút và giữ chân lao động dẫn đến khá ổn định nguồn nhân lực vào nửa cuối năm, tuyển dụng bù đắp được lao động thiếu hụt (đến cuối năm số tuyển dụng tăng hơn 100 lao động so với số nghỉ việc) từ đó phục vụ tốt cho sản xuất, đáp ứng nhu cầu đơn hàng khi thị trường phục hồi.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch chính trong năm 2025 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2025	SỐ VỚI THỰC HIỆN 2024
1. Doanh thu gia công	Triệu USD	24,3	102%
2. Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.900	106%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	70	105%
4. Năng suất lao động	USD/ người/ tháng	715	102%
5. Lao động DS bình quân	Người	3.400	104%
6. Thu nhập bình quân	Tr. đồng/ người/ tháng	12,5	102%
7. Đầu tư	Tỷ đồng	35	98%

Trong năm 2025 Ban điều hành Công ty sẽ tập trung vào hoạt động SXKD bằng các giải pháp định hướng để giải quyết các khó khăn, thách thức cụ thể như sau:

- Giải pháp về thị trường, nguồn hàng và điều hành sản xuất:

- + Chấp nhận cạnh tranh giữ vững nguồn hàng, khách hàng truyền thống thị trường EU, Nhật bản và phát triển thêm thị trường mới, khi thị trường Mỹ bị giảm mạnh.
- + Tập trung phát triển khách hàng mới, đơn hàng mới để chủ động mùa thấp điểm.
- + Phát triển hàng FOB, ODM, tiến tới kinh doanh theo phương thức OBM và phát triển thị trường nội địa thông qua đa dạng kênh phân phối.
- + Tập trung mọi biện pháp ưu tiên cho sản xuất. Trong đó, ưu tiên về quy trình công nghệ - IE, cải tiến, hợp lý hoá sản xuất, chuẩn bị tốt đầu vào, chuyển đổi nhanh 90%; sắp xếp mặt bằng sản xuất tinh gọn, hợp lý cho XN May 3 và nhà xưởng, nhà kho tại Amata.
- + Đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất theo hướng sản xuất thông minh và tự động hoá; nâng cao công tác bảo trì, bảo dưỡng, phát triển phần mềm quản lý thiết bị.
- + Đẩy mạnh phong trào thi đua tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm để nâng cao thu nhập cho người lao động và thu hút khách hàng.

- Giải pháp về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh:

- + Phát huy quản trị tài chính lành mạnh và chủ động tìm kiếm nguồn tài chính ổn định, lãi suất thấp phục vụ sản xuất xuất khẩu.

+ Xử lý hàng tồn kho, ưu tiên xuất hàng nhanh để rút ngắn thời gian lưu kho.

+ Kiểm soát chặt chẽ định mức nguyên phụ liệu và giao khoán các chi phí.

- Các giải pháp về nguồn nhân lực và điều hành khác:

+ Tuyển dụng bù đắp lao động thiếu hụt và bổ sung lao động tăng từ 3 – 5%.

+ Duy trì tốt chính sách lao động, việc làm; chế độ lương, thưởng và thu nhập cho người lao động.

+ Đào tạo cán bộ quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị, nâng cao công tác tổ chức sản xuất; đào tạo đội ngũ phát triển hàng nội địa, hàng FOB, ODM xuất khẩu.

+ Tổ chức các hoạt động phong trào và tập trung chăm lo đời sống CB. CNV để tạo sự gắn kết, thu hút và giữ chân lao động.

+ Khảo sát cán bộ quản lý, khảo sát Livingwage, khảo sát EWB theo dự án của khách hàng để có các chỉ số đánh giá cán bộ và đánh giá sự gắn kết lao động.

+ Hoàn thành công tác chuyển đổi số về quản lý sản xuất, thiết bị và hành chính nhân sự.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Cty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Tiếp tục duy trì, phát huy các kết quả đạt được năm 2024 để đạt các mục tiêu, chỉ số về môi trường theo định hướng phát triển bền vững, phát thải CO2: không quá 79 tấn – tiếp tục theo dõi qua công cụ Resource Advisor (RA) của Schneider Electric.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Tiếp tục duy trì, phát huy các kết quả đạt được năm 2024 để đạt các mục tiêu, chỉ số về trách nhiệm xã hội như: Đạt mức B các đánh giá về nhân quyền – theo HRP - Decathlon, khảo sát đạt mức lương đủ sống – theo Livingwage; khảo sát đạt sự hài lòng, gắn bó của người lao động – theo EWB.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tiếp tục duy trì, phát huy các kết quả đạt được năm 2024 để có mối quan hệ thân thiện và trách nhiệm với cộng đồng địa phương trong công tác xã hội từ thiện và đóng góp cải thiện phát triển bền vững khác, đặc biệt tạo nhiều hơn nữa công ăn việc làm cho người lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Về công tác quản trị Công ty:

+ HĐQT đã yêu cầu Tổng Giám đốc điều chỉnh, bổ sung quy chế quản trị công ty, trong đó qui định chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Trưởng phòng ban và phân công giao quyền cho các cấp từng bước tự chủ điều hành công việc hàng ngày.

+ HĐQT chỉ đạo Ban điều hành về việc tổng kiểm kê tài sản theo qui định của Nhà nước và cho ý kiến để xử lý dứt điểm hàng hóa, nguyên phụ tồn kho lâu năm, sản phẩm còn nợ các khách hàng. Phân loại từng loại và định thời gian giải quyết theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

+ HĐQT chỉ đạo soạn thảo qui chế quản lý hàng hóa, nguyên vật liệu, sắp xếp lại kho và quản lý hàng hóa bằng công nghệ số liệu thông tới các bộ phận quản lý của công ty. Xử lý sai sót trong quản lý kho, duy trì cập nhật số liệu nhập - xuất - tồn hàng ngày.

- Về Công tác tổ chức sản xuất và thị trường:

+ HĐQT chỉ đạo Ban điều hành khai thác khách hàng mới, sản phẩm mới bảo đảm đủ hàng hóa cho người lao động. Do biến động chính trị tại một số nước có ngành may mặc cạnh tranh với Việt Nam như Bangladesh, Myanmar, Campuchia và kể cả sự dịch chuyển đi của ngành dệt may Trung Quốc đã tạo lợi thế cho ngành may mặc Việt Nam đơn hàng di chuyển về Việt Nam ngày càng nhiều. Ưu tiên dành công suất cho khách hàng Decathlon-Pháp, các khách hàng của Nhật Bản và khách hàng khác. Mục tiêu cao nhất là ký kết được đủ công suất của công ty với giá cả cạnh tranh, tiến độ giao hàng phù hợp, tạo ra năng suất lao động có đủ chi phí và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

+ HĐQT chỉ đạo tổ chức bộ phận kỹ thuật công nghệ, nghiên cứu cải tiến tổ chức sản xuất hợp lý hàng hóa các khâu để vừa đào tạo cán bộ nâng cao tay nghề cho người lao động vừa tiết giảm chi phí để đạt được đột phá về năng suất lao động, đây là yếu tố quyết định hiệu quả công ty.

+ HĐQT chỉ đạo Ban điều hành, các phòng ban, bộ phận duy trì việc giao ban, chế độ báo cáo xử lý thời gian các phát sinh trong sản xuất kinh doanh, có biên bản ghi đúng trong các buổi họp để theo dõi, giám sát, đôn đốc, điều hòa phối hợp giữa các bộ phận trong việc xử lý công việc hàng ngày.

+ HĐQT chỉ đạo Ban điều hành xác định từng bước chuyển dần phương thức sản xuất từ CM sang phương thức sản xuất kinh doanh FOB và cao hơn để tồn tại và phát triển công ty bền vững.

- Các nhiệm vụ khác:

+ HĐQT đã thống nhất và có nghị quyết về dừng dự án tại số 10 - Phan Trung và giao cho Tổng Giám đốc làm việc với sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai về thủ tục hoàn lại tiền ký quỹ và tiến hành di dời hàng hóa, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ.... về kho Amata và Xí nghiệp may 3, bàn giao lại mặt bằng lại cho Trung tâm Quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý theo yêu cầu của UBND tỉnh Đồng Nai.

+ HĐQT đã cho ý kiến xử lý dứt điểm các phát sinh công nợ với khách hàng và Công ty CP Bảo hiểm Pjico về sự cố cháy kho vào ngày 11/10/2021.

+ HĐQT đã có chỉ đạo về quản lý dòng tiền, lựa chọn hình thức thanh toán, về dư nợ vay đối với các ngân hàng nhằm bảo đảm lành mạnh về tài chính của Công ty.

+ Cơ quan điều hành phải tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Đáp ứng các tiêu chuẩn của khách hàng sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và các qui định có liên quan.

+ Có chính sách chăm lo vật chất tinh thần cho người lao động thực hiện công khai minh bạch về nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Xử lý hài hòa 3 lợi ích giữa doanh nghiệp với cổ đông và người lao động. Trong đó ưu tiên cho người lao động làm nền tảng ổn định và phát triển Công ty.

+ Tổ chức các phong trào thi đua để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập, tuyên dương các cá nhân tập thể có nhiều thành tích làm động lực xây dựng công ty vững vàng.

- HĐQT phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

- + Tổng doanh thu : 1.868 tỷ đồng, tăng 26 % so với cùng kỳ.
- + Lợi nhuận trước thuế : 66,43 tỷ đồng, bằng 953% so với cùng kỳ.
- + Lao động bình quân : 3.274 người đạt 98% so với cùng kỳ.
- + Thu nhập bình quân : 12,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 30% so với cùng kỳ.
- + Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức : 50 % trên vốn điều lệ. (Tháng 12/2024 đã ứng 20%).

- Những mặt còn tồn tại:

+ Trong năm 2024 thị trường thời trang dần hồi phục, nguồn hàng may mặc dịch chuyển về Việt Nam nhiều hơn khiến các doanh nghiệp dệt may cần nhiều lao động dẫn đến việc cạnh tranh lao động gay gắt giữa các doanh nghiệp.

+ Chung loại hàng hóa thay đổi nhiều, số lượng nhỏ, thời gian sản xuất ngắn, công tác chuyển đổi đơn hàng sản xuất trên chuyền liên tục làm ảnh hưởng đến năng suất lao động cũng như việc kiểm soát chất lượng sản phẩm.

+ Phương thức kinh doanh còn chủ yếu là sản xuất CM, nên cần có giá trị gia tăng sản xuất hàng FOB.

- Công tác quản lý cổ đông:

+ Tổng số vốn điều lệ tính đến 31/12/2024: 57.374.840.000 đồng, tương ứng: 5.737.484 cổ phần. Trong đó có 02 cổ đông pháp nhân là:

- + Tổng công ty CP May Việt Tiến : 1.495.125 cổ phần.
- + Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai : 1.434.375 cổ phần.
- + Cổ đông cá nhân : 2.807.984 cổ phần.

+ Trong năm 2024, số cổ phần chuyển nhượng là: 5.062 cổ phần, trị giá 50.620.000 đồng (01 cổ đông chuyển nhượng là cổ đông ngoài).

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2024 đạt khá cao với mức tăng trưởng thể hiện sự phục hồi mạnh sau khủng hoảng thiếu hụt nguồn hàng của ngành dệt may, đây sẽ là động lực và tiền đề cho Công ty phát huy và dự báo sẽ đạt hiệu quả kinh doanh khá cao cho năm 2025.

- Dòng tiền của Công ty lớn sẽ tiếp tục hấp dẫn các Ngân hàng tài trợ vốn đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất xuất khẩu.

- Cần tiếp tục duy trì chính sách động viên, khuyến khích và khen thưởng, khuyến tuyển để động viên phong trào thi đua lao động sản xuất và thu hút lao động nhằm đạt được các chỉ tiêu tăng lao động cho sản xuất, bảo đảm thu nhập người lao động.

- Công ty đã hoàn tất việc tháo dỡ và thanh lý tài sản trên đất, bàn giao mặt bằng cho tỉnh Đồng Nai tại khu đất dự án số 10 - Phan Trung, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai và Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai đã hoàn đủ tiền ký quỹ 100% là: 11,56 tỷ đồng.

- Công ty đã hoàn tất hồ sơ vụ cháy kho ngày 11/10/2024 tại số 10 - Phan Trung, P. Tân tiến, Tp. Biên hòa, T. Đồng Nai.

- Công ty đã hoàn thành xong hồ sơ kiểm tra hải quan sau thông quan thời gian 5 năm từ tháng 7/2019 đến tháng 7/2024.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Mục tiêu cốt lõi trong năm 2025 là: Quản trị tốt, năng suất lao động cao, tài chính lành mạnh, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Để thực hiện các mục tiêu trên, HĐQT định hướng những giải pháp như sau:

+ Tiếp tục duy trì và phát triển sản xuất ổn định để đạt kế hoạch doanh thu giao là 1.900 tỷ đồng trong năm 2025.

+ Thực hiện quy hoạch khách hàng chiến lược theo hướng chuyên môn hóa, lựa chọn khách hàng tiềm năng, có giá trị sản phẩm cao để nâng cao chuỗi giá trị trong hoạt động SXKD.

+ Nâng cao tỷ trọng doanh thu hàng FOB xuất khẩu nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc an toàn và hiệu quả. Tiếp tục quản lý và giải quyết hàng tồn kho và chậm luân chuyển cho khách hàng.

+ Tiếp tục đầu tư chiều sâu bằng những máy móc thiết bị chuyên dùng, tự động hoá, duy trì và củng cố công nghệ sản xuất theo phương pháp Lean để tăng NSLĐ và nâng cao chất lượng sản phẩm.

+ Đào tạo nguồn nhân lực các cấp, xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn cán bộ nhằm nâng cao năng lực quản trị, nâng cao công tác tổ chức sản xuất.

+ Thực hiện tiết giảm chi phí toàn diện.

+ Tiếp tục rà soát lại các chính sách tiền thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế để khuyến khích người lao động gắn bó làm việc lâu dài với Công ty, giữ ổn định lao động.

+ Tiếp tục phát động phong trào thi đua nhằm khuyến khích tinh thần hăng hái tham gia sản xuất của CBCNV.

- Trên cơ sở kế hoạch và định hướng nêu trên, HĐQT phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch chính cho năm 2025, như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	So với cùng kỳ (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ Đ	1.900	106%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đ	70	105%
3	Lao động bình quân	Người	3.400	104%
4	Thu nhập bình quân	Đ/N/Th	12,5	102%
5	Tổng mức đầu tư	Tỷ Đ	35	98%
6	Tỷ lệ chi cổ tức (dự kiến ít nhất)	%	25	50%

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 16/4/2022, Đại hội đã bầu HĐQT Công ty CP Đồng Tiến (nhiệm kỳ 2022 – 2026) gồm 5 thành viên sau:

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Năm sinh	Trình độ	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu và đại diện cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Trưởng	Chủ tịch HĐQT	1948	Cử nhân kinh tế	21-Long Hưng, P.7, Q. Tân Bình, Tp.HCM	26.625	0,46%	Sở hữu CP cá nhân
2	Bùi Văn Tiến	Thành viên HĐQT	1964	Cử nhân kinh tế	2/1/19 Bình Giã, F.13, Q.Tân Bình, Tp.HCM	930.825	16,22%	Đại diện 897.075 CP của TCT Việt Tiến
3	Trần Minh Công	Thành viên HĐQT	1966	Cử nhân kinh tế	86/74 Trường Chinh, P.12, Q. Tân Bình, Tp.HCM	631.800	11,01%	Đại diện 598.050 CP của TCT Việt Tiến

4	Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	1966	Thạc sỹ kinh tế	Đại diện Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	1.434.375	25,00%	Đại diện sở hữu cho tổ chức 1.434.375 CP
5	Nguyễn Văn Hoàng	Tv.HĐQT / Kiêm Tổng GD	1965	Cử nhân kinh tế	15C/14 – Kp3, P.Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	176.040	3,07%	Sở hữu CP cá nhân

Trong đó:

- 1/5 thành viên là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty.
- Có 4/5 thành viên là thành viên HĐQT không điều hành.
- Có 4/5 thành viên nắm giữ chức danh là thành viên HĐQT tại các Công ty khác.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

- Đánh giá hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 05 thành viên. Có 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty và có 03 thành viên là người quản trị, điều hành ở các doanh nghiệp dệt may khác, 01 thành viên là người điều hành quỹ đầu tư và phát triển của tỉnh Đồng Nai, nên có thuận lợi là luôn có trách nhiệm trong quản lý và điều hành, thống nhất ý trí nhanh và linh hoạt trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều đủ thành phần, tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, ban hành đầy đủ nghị quyết sát thực tế và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành triển khai thực hiện; đảm bảo giám sát chặt chẽ, toàn diện hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

- Số lượng các cuộc họp của HĐQT, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung / thông qua
1	01/ĐT/ HĐQT	11/01/ 2024	- Kết quả thực hiện SXKD năm 2023 và dự kiến kế hoạch 2024. - Báo cáo Ban kiểm soát KQ SXKD 9 tháng năm 2023. - HĐQT thông qua biên bản chấm dứt dự án khu dân cư số 10-Phan Trung, P.Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai. - Những vấn đề khác xin ý kiến HĐQT.
2	01/ĐT/ HĐQT	21/03/ 2024	- Kết quả thực hiện SXKD năm 2023 và dự kiến kế hoạch 2024. - Báo cáo Ban kiểm soát KQ SXKD năm 2023. - HĐQT thông qua ngày tổ chức ĐH cổ đông thường niên 2024. - Những vấn đề khác xin ý kiến HĐQT.
3	116/NQ- ĐHĐCĐ	20/4/ 2024	- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024. - Tổng đầu tư trong năm 2023. Kế hoạch đầu tư năm 2024. - Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty CP Đồng Tiến năm 2023 và BCTC đã kiểm toán. - Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023. - Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán tài chính năm 2024. - Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả năm 2023 và định hướng chiến lược trong tương lai. - Định hướng chiến lược và một số giải pháp của Công ty.
4	03/BB- HĐQT	22/7/ 2024	Hạn mức vay vốn lưu động tại Ngân hàng ACB-Chi nhánh Tp. HCM

5	04/BB-HĐQT	16/8/2024	Hạn mức vay vốn lưu động tại Ngân hàng BIDV-Chi nhánh Biên Hòa
6	05/ĐT-HĐQT	25/11/2024	- Báo của Tổng Giám đốc về kết quả thực hiện SXKD 10 tháng năm 2024, ước thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025. - Báo cáo của Trưởng Ban Kiểm soát về công tác kiểm soát hoạt động SXKD 9 tháng năm 2024. - Điều chỉnh tăng mức đầu tư năm 2024 từ 30 tỷ đồng lên 34 tỷ đồng. - Cho ý kiến về thuê lại nhà xưởng 1 - Công ty CP Đồng Phú Cường để mở rộng sản xuất. - Dự kiến mức chi thưởng tết nguyên đán 2025. - Dự kiến về tỷ lệ chia cổ tức năm 2024. - Những vấn đề khác xin ý kiến của Hội đồng quản trị.
7	06/BB-HĐQT	27/11/2024	Hạn mức vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương-Chi nhánh Đồng Nai

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không xác định.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 16/4/2022, Đại hội đã bầu Ban Kiểm soát Công ty CP Đồng Tiến (nhiệm kỳ 2022 – 2026) và Đại hội năm 2024 bầu 01 thành viên (để thay thế 01 thành viên nghỉ hưu, đều là nhân sự của Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Đồng Nai); đến nay BKS gồm có 03 thành viên sau:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Năm sinh	Trình độ	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Trâm Anh	Trưởng ban KS	1967	Cử nhân kinh tế	358/2/33B - CMT8, P.10, Q.3, Tp.HCM	22.359	0,39%
2	Lê Tiến Thành	TV.BKS	1976	Cử nhân kinh tế	497/10 - Sư Vạn Hạnh, P.12, Q.10, Tp. HCM	0	0%
3	Nguyễn Văn Thơ	TV.BKS	1968	Cử nhân kinh tế	B1C – Kp.4, P. Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai	0	0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ của HĐQT, Ban TGD và các cấp quản lý của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty CP Đồng Tiến và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của Công ty.

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hàng Quý, 6 tháng và cả năm 2024 của Công ty trước khi kiểm toán và sau khi kiểm toán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Thu nhập năm 2024
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch	514.602.106
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên	411.681.683
Ông Trần Minh Công	Thành viên	411.681.683
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên	411.681.683
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	308.761.264
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên (bãi nhiệm 20/04/2024)	64.758.834
Ông Lê Tiến Thành	Thành viên	144.088.589
Ông Nguyễn Văn Thơ	Thành viên (bỏ nhiệm 20/04/2024)	79.329.755
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc (tiền lương)		
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT	2.358.327.900
Ông Vũ Thu Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	1.333.436.944
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	981.304.153
Ông Huỳnh Nguyễn Cảnh Thịnh	Giám đốc điều hành (miễn nhiệm Th02/2024)	98.806.018
Ông Phan Văn Thân	Giám đốc điều hành	731.755.243
Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Giám đốc điều hành	831.558.618
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc điều hành	791.574.044
Ông Phạm Văn Doan	Giám đốc điều hành	902.752.492
Ông Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành	186.510.000
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Giám đốc điều hành (bỏ nhiệm Th12/2024)	20.930.000

b. *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ năm*: Không phát sinh.

c. *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ*: Không phát sinh giao dịch.

d. *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*:

Công ty đã từng bước cơ bản tuân theo quy định về quản trị công ty công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, xác định:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Đồng Tiến năm 2024, đã được kiểm toán:

(Bản scan toàn văn Báo cáo tài chính như dưới đây:)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 – 43
Bảng cân đối kế toán	06 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đồng Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 04 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 3600259810 thay đổi lần 6 ngày 12 tháng 03 năm 2024.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 là: 57.374.840.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại : 0251.3822.248

Web : <https://dovitec.com.vn/>

Mã số thuế : 3600259810

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất gia công, kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 42).

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Trần Minh Công	Thành viên
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên
Ông Lê Tiến Thành	Thành viên

Bãi nhiệm từ ngày 20/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT
Ông Vũ Thu Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Nguyễn Cảnh Thịnh	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Thân	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Giám đốc điều hành

Bãi nhiệm từ ngày 01/02/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc điều hành
Ông Phạm Văn Đoàn	Giám đốc điều hành

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số: 0410.04.02/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đồng Tiến

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đồng Tiến, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:
Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

[T] (84-24) 3761 3399
[W] www.vpaudit.vn

[F] (84-24) 3761 5599
[E] vpa@ntv.vn

4

Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:
98 Võ Tổng Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

"Vào ngày 11 tháng 10 năm 2021, Công ty đã gặp sự cố cháy kho chủ yếu là nguyên liệu vải nhận gia công của khách hàng (Công ty Desipro). Theo Phụ lục 1 của Thỏa thuận bồi thường ngày 22/08/2022 được ký ngày 17/11/2022 giữa Công ty Cổ phần Đồng Tiến và Công ty Desipro thì Công ty phải bồi thường nguyên liệu cháy với số tiền là 1.436.451,3 USD tương đương 34.086.989.349 VND.

Công ty đã ghi nhận chi phí cháy nguyên vật liệu là 21.214.747.938 VND, số còn lại Công ty dự tính bù đắp bằng tiền bồi thường của Công ty Bảo hiểm. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được kết quả thẩm tra của Công ty Bảo hiểm về khoản tiền mà Công ty có thể nhận được bồi thường từ sự cố cháy kho nguyên liệu nêu trên."

Do đó, Kiểm toán viên không thể xác định mức ảnh hưởng (nếu có) của chỉ tiêu "Chi phí trả trước ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính và khoản mục "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm do việc ghi nhận không đầy đủ chi phí cháy kho nguyên liệu này.

Ý kiến ngoại trừ năm trước không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm nay.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ HẠNH

GCNĐKHNT số: 1690-2023-124-1

Kiểm toán viên

PHẠM VĂN TUÂN

GCNĐKHNT số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		786.765.388.203	630.505.671.395
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	150.302.301.258	17.472.993.129
1.	Tiền	111		150.302.301.258	17.472.993.129
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		414.803.814.860	373.468.944.244
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	375.315.535.602	319.064.555.735
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.303.906.759	6.357.265.542
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	23.000.000.000	23.000.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	15.184.372.499	24.550.210.063
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	496.912.904
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6	201.458.953.784	210.233.591.146
1.	Hàng tồn kho	141		213.007.685.607	210.233.591.146
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(11.548.731.823)	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		20.200.318.301	29.330.142.876
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.442.624.695	14.910.843.759
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.823.009.051	10.450.642.973
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	1.934.684.555	3.968.656.144
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		130.817.885.492	147.756.384.202
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		70.000.000	11.565.522.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	70.000.000	11.565.522.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		103.279.991.542	110.417.044.782
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	92.937.800.879	100.719.397.383
	- Nguyên giá	222		456.442.318.309	457.727.122.836
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(363.504.517.430)	(357.007.725.453)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.342.190.663	9.697.647.399
	- Nguyên giá	228		14.260.756.549	12.930.196.549
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.918.565.886)	(3.232.549.150)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	798.336.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	798.336.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	19.358.069.866	19.538.800.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.713.120.000	36.713.120.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(19.355.050.134)	(19.174.320.000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		8.109.824.084	5.436.681.420
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	7.888.847.731	860.381.925
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	4.242.949.587
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		220.976.353	333.349.908
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		917.583.273.695	778.262.055.597

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		719.021.591.552	601.018.398.530
I.	Nợ ngắn hạn	310		713.415.470.052	578.845.976.542
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	147.285.647.289	80.162.397.369
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	17.458.566.514	27.952.062.855
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	130.841.205	1.757.914.261
4.	Phải trả người lao động	314		197.129.858.764	137.553.369.436
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.447.410.682	575.627.363
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	9.924.010.976	12.861.308.843
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	329.252.527.585	317.123.487.557
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	10.786.607.037	859.808.858
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		5.606.121.500	22.172.421.988
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	1.188.121.500	1.135.530.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	4.418.000.000	21.036.891.988
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.561.682.143	177.243.657.067
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	198.561.682.143	177.243.657.067
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.374.840.000	57.374.840.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.374.840.000	57.374.840.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		45.954.048.701	40.646.456.512
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.232.793.442	79.222.360.555
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		70.616.134.555	75.250.143.553
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.616.658.887	3.972.217.002
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		917.583.273.695	778.262.055.597

Người lập biểu



Lê Thị Liễu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh

Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.868.445.432.679	1.483.564.509.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.868.445.432.679	1.483.564.509.595
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.628.656.506.967	1.302.123.461.753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		239.788.925.712	181.441.047.842
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	42.386.144.897	17.971.857.090
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.912.420.874	40.466.239.629
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.845.732.520	24.495.944.610
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	68.397.700.902	44.694.270.053
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	102.630.654.910	98.163.631.864
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.234.293.923	16.088.763.386
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7.987.651.042	2.732.826.919
12. Chi phí khác	32	VI.7	11.785.028.680	11.853.049.488
13. Lợi nhuận khác	40		(3.797.377.638)	(9.120.222.569)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.436.916.285	6.968.540.817
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	9.118.044.805	6.311.171.283
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	4.242.949.587	(4.242.949.587)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.075.921.893	4.900.319.121
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	7.216	743
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	7.216	743

Người lập biểu

Lê Thị Liễu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.786.260.654.788	1.213.951.024.345
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(1.225.414.175.314)	(1.038.174.677.818)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(444.740.896.969)	(404.091.869.224)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(13.903.830.520)	(24.568.065.610)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(10.917.391.512)	(2.022.218.909)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	188.051.002.734	238.618.913.945
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(103.650.483.545)	(92.420.121.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	175.754.879.662	(108.707.014.862)
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(23.730.253.814)	(4.932.782.495)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.265.345.119	1.751.182.996
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.147.916.984	932.613.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.316.991.711)	(2.248.986.339)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.283.132.875.617	897.992.755.278
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.290.693.289.496)	(843.609.201.662)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.222.194.000)	(8.606.226.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.782.607.879)	45.777.327.616
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	132.655.280.072	(65.178.673.585)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	17.472.993.129	82.687.809.896

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	174.028.057	(36.143.182)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70	150.302.301.258	17.472.993.129

Người lập biểu

Lê Thị Liễu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2025
Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn****Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Đồng Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 04 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế mới số 3600259810 thay đổi lần 6 ngày 12 tháng 03 năm 2024.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại : 0251.3822.248

Web : <https://dovitec.com.vn/>

Mã số thuế : 3600259810

2. Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất, thương mại, dịch vụ.**3. Ngành nghề kinh doanh chính:**

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất gia công, kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 3.435 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.295 nhân viên).

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày kết thúc năm tài chính, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty và 3 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Lô K đường D.06, Cụm Công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; Cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải	51,76% (trực tiếp: 44%, gián tiếp: 7,76%)	51,76%
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Lô số B1, Cụm Công nghiệp Phú Cường, Xã Phú Cường, Huyện Định Quán, Đồng Nai	May trang phục	26,15%	26,15%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	Số 07 Lê Minh Xuân, Phường 07, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản; Bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng	20,43%	20,43%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính năm 2023.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản vay và các khoản cho vay, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí viết phần mềm, chi phí bản quyền phần mềm, chi phí sửa chữa:

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn"

Công cụ, dụng cụ, bản quyền phần mềm, sửa chữa nhỏ

Các công cụ, dụng cụ, chi phí bản quyền phần mềm, sửa chữa, chi phí đền bù hỏa hoạn đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa lớn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được cấp quyền sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, hoặc cộng trừ các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tài thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	143.572.652	113.738.565
Tiền gửi ngân hàng	150.158.728.606	17.359.254.564
Cộng	150.302.301.258	17.472.993.129

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần May Việt Thịnh	-	1.674.798.132
Công ty Desipro	340.033.163.283	274.776.249.345
Công ty Teijin Frontier	22.710.171.910	20.921.968.437
Công ty Itochu (Descente)	1.264.766.533	1.957.727.116
Royne Co., Ltd	2.650.838.618	4.995.026.372
Công ty TNHH Dệt may ECLAT Việt Nam	-	5.557.818.591
Các khách hàng khác	8.656.595.258	9.180.967.742
Cộng	375.315.535.602	319.064.555.735

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không có.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Haian Tengyu Intelligent Technology Co., Ltd.	-	1.011.026.472
Công ty Luen Hing Textile	93.985.139	627.345.288
Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu Tư - Thương Mại Thành Công	344.832.681	213.722.083
Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng Dịch Vụ Thành Công	-	1.431.230.456
Công ty TNHH BH Machinery Việt Nam	826.803.333	1.547.716.000
Trả trước cho người bán khác	38.285.606	1.526.225.243
Cộng	1.303.906.759	6.357.265.542

Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Không có.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	23.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	23.000.000.000	23.000.000.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan Xem thuyết minh VII.1

5. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	164.985.688	111.166.373
Phải thu BHXH, BHYT	1.211.924.359	1.080.579.739
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	12.994.081.726	22.375.433.186
Trung tâm Phát triển Quỹ Đất (Tráng Bom)	409.004.597	599.973.435
Công ty Desipro	-	37.798.858
Các phải thu khác	404.376.129	345.258.472
Cộng	15.184.372.499	24.550.210.063

b. Dài hạn

Các khoản ký quỹ tiền thuê	70.000.000	-
Ký quỹ đảm bảo dự án đầu tư KDC đường Phan Trung	-	11.565.522.000
Cộng	70.000.000	11.565.522.000

Phải thu khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	3.204.868.523	-	4.064.167.639	-
Nguyên liệu, vật liệu	50.097.922.292	-	44.377.451.935	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.628.207.313	(9.118.560.243)	72.931.222.837	-
Thành phẩm	89.948.219.598	(2.430.171.580)	88.860.748.735	-
Hàng hóa	794.987.111	-	-	-
Hàng gửi đi bán	1.333.480.770	-	-	-
Cộng	213.007.685.607	(11.548.731.823)	210.233.591.146	-

7. Chi phí trả trước	Số cuối năm		Số đầu năm	
a. Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	1.151.938.749		1.007.950.842	
Chi phí sửa chữa	92.119.280		136.976.250	
Chi phí viết phần mềm	1.093.666.664		1.265.916.667	
Chi phí hóa hoeren (*)	-		12.500.000.000	
Chi phí bản quyền phần mềm	104.900.002		-	
Cộng	2.442.624.695		14.910.843.759	
b. Dài hạn				
Công cụ dụng cụ xuất dùng	197.120.936		319.831.850	
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	7.691.726.795		540.550.075	
Cộng	7.888.847.731		860.381.925	

(*) Vào ngày 11 tháng 10 năm 2021, Công ty đã gặp sự cố cháy kho chủ yếu là nguyên liệu vải nhận gia công của khách hàng (Công ty Desipro). Theo Phụ lục 1 của thỏa thuận bồi thường ngày 22/08/2022 được ký ngày 17/11/2022 giữa Công ty Cổ phần Đồng Tiến và Công ty Desipro: Công ty Cổ phần Đồng Tiến phải bồi thường nguyên liệu cháy với số tiền là USD 1.436.451,30 tương đương 34.086.989.349 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty đã ghi nhận vào Kết quả kinh doanh lũy kết là 21.214.747.938 VND.

Trong năm 2024, Công ty kết chuyển toàn bộ chi phí bồi thường do hỏa hoeren còn lại vào chi phí khác sau khi trừ số tiền được bồi thường của bảo hiểm theo công văn số 029/PJCO/DNAI/HHA/2024 ngày 12 tháng 07 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>					
Số dư đầu năm	174.484.654.449	254.813.909.265	24.264.626.023	4.163.933.099	457.727.122.836
Số tăng trong năm	-	24.930.502.163	879.154.956	539.915.818	23.036.887.181
Điều chỉnh trình bày	-	97.000.000	(413.105.000)	316.105.000	-
Mua sắm mới	-	21.520.816.407	1.292.259.956	223.810.818	23.036.887.181
Kết chuyển từ TK 242 sang	-	3.312.685.756	-	-	3.312.685.756
Số giảm trong năm	11.836.252.129	12.980.984.005	1.939.633.358	877.507.972	27.634.377.464
Thanh lý, nhượng bán	11.836.252.129	12.980.984.005	1.939.633.358	877.507.972	27.634.377.464
Số dư cuối năm	162.648.402.320	266.763.427.423	23.204.147.621	3.826.340.945	456.442.318.309
<i>Giá trị đã hao mòn</i>					
Số dư đầu năm	111.053.631.752	224.626.909.291	17.184.938.350	4.142.246.060	357.007.725.453
Số tăng trong năm	14.125.476.212	16.962.103.236	1.918.661.430	53.970.388	33.060.211.266
Điều chỉnh trình bày	-	5.119.445	(33.812.528)	28.693.083	-
Khấu hao trong năm	14.125.476.212	16.956.983.791	1.952.473.958	25.277.305	33.060.211.266
Số giảm trong năm	11.836.252.129	11.910.025.830	1.939.633.358	877.507.972	26.563.419.289
Thanh lý, nhượng bán	11.836.252.129	11.910.025.830	1.939.633.358	877.507.972	26.563.419.289
Số dư cuối năm	113.342.855.835	229.673.867.252	17.197.778.950	3.290.015.393	363.504.517.430
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</i>					
Tại ngày đầu năm	63.431.022.697	30.186.999.974	7.079.687.673	21.687.039	100.719.397.383
Tại ngày cuối năm	49.305.546.485	37.089.560.171	6.006.368.671	536.325.552	92.937.800.879

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 226.223.156.319 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 53.645.257.788 đồng (Xem Thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh

Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>			
Số dư đầu năm	12.930.196.549	-	12.930.196.549
Số tăng trong năm	-	1.330.560.000	1.330.560.000
Mua sắm mới	-	1.330.560.000	1.330.560.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	12.930.196.549	1.330.560.000	14.260.756.549
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm	3.232.549.150	-	3.232.549.150
Số tăng trong năm	461.792.736	224.224.000	686.016.736
Khấu hao trong năm	461.792.736	224.224.000	686.016.736
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	3.694.341.886	224.224.000	3.918.565.886
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>			
Tại ngày đầu năm	9.697.647.399	-	9.697.647.399
Tại ngày cuối năm	9.235.854.663	1.106.336.000	10.342.190.663

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 0 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 9.235.854.663 đồng (Xem thuyết minh số V.18).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm quản lý Bravo	-	798.336.000
Cộng	-	798.336.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty liên kết	36.713.120.000	22.553.910.696	36.713.120.000	22.146.161.108	(19.174.320.000)
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình (i)	11.000.000.000	14.568.447.741	-	14.164.791.038	-
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (ii)	19.174.320.000	-	19.174.320.000	-	(19.174.320.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng (iii)	6.538.800.000	7.985.462.955	-	7.981.370.070	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	1.819.269.866	(180.730.134)	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	2.000.000.000	1.819.269.866	(180.730.134)	2.000.000.000	-
Cộng	38.713.120.000	24.373.180.562	(19.355.050.134)	24.146.161.108	(19.174.320.000)

Thông tin chi tiết các khoản đầu dài hạn của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình với giá trị vốn góp là 11.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 44% đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng (Công ty Liên kết) là 7,76% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình có trụ sở tại Lô K đường D.06, Cụm Công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với giá trị vốn góp là 19.174.320.000 VND, chiếm tỷ lệ 26,67% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường có trụ sở tại Lô số B1, Cụm công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là may trang phục. Hiện tại, Công ty đã dự phòng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với số tiền là 19.174.320.000 VND.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng với giá trị vốn góp là 6.538.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,43% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng có trụ sở tại số 07 Lê Minh Xuân, Phường 07, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản; bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại thời điểm Báo cáo tài chính.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với chênh lệch tạm thời phát sinh	-	4.242.949.587
Cộng	-	4.242.949.587

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Đơn vị tính: VND Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	41.871.382.732	41.871.382.732	8.035.318.193	8.035.318.193
Công ty YKK Việt Nam	5.774.587.821	5.774.587.821	4.914.371.697	4.914.371.697
Công ty TNHH In Thêu Tân Hùng Ngọc	15.563.733.198	15.563.733.198	5.892.346.706	5.892.346.706
Công ty TNHH Nanu Sài Gòn	11.182.560.897	11.182.560.897	8.466.708.905	8.466.708.905
Công ty Desipro Pte	7.381.616.427	7.381.616.427	2.252.182.000	2.252.182.000
Công ty Mainetti VN	3.343.457.040	3.343.457.040	3.314.609.295	3.314.609.295
Công ty TNHH Avery Dennison Ris VN	1.285.112.126	1.285.112.126	7.352.404.449	7.352.404.449
Công ty TNHH In Vĩnh Phát	347.509.418	347.509.418	2.704.280.920	2.704.280.920
Công ty TNHH Dệt Liên Châu	4.662.789.545	4.662.789.545	4.059.355.038	4.059.355.038
Công ty TNHH Phụ liệu Phú Cường	10.255.787.499	10.255.787.499	7.010.310.424	7.010.310.424
Công ty TNHH Checkpoint Việt Nam	9.003.968.424	9.003.968.424	-	-
Phải trả người bán khác	36.613.142.162	36.613.142.162	26.160.509.742	26.160.509.742
Cộng	147.285.647.289	147.285.647.289	80.162.397.369	80.162.397.369

Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh

Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Desipro	11.923.384.273	27.909.570.848
Công ty Desipro(CPDBN)	5.515.454.370	-
Công ty Itochu (Descente)	7.920.460	38.464.676
Công ty Teijin Frontier	11.807.411	4.027.331
Cộng	17.458.566.514	27.952.062.855

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Không có.

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.644.390.544	9.118.044.805	10.917.391.512	-
Thuế thu nhập cá nhân	113.523.717	1.086.825.409	1.069.507.921	130.841.205
Thuế Thu nhập cá nhân đầu tư vốn	-	491.839.320	491.839.320	-
Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên	113.523.717	594.986.089	577.668.601	130.841.205
Tiền thuế đất	-	190.968.838	190.968.838	-
Các loại thuế khác	-	253.315.065	253.315.065	-
Thuế môn bài	-	4.500.000	4.500.000	-
Thuế nhà thầu	-	247.766.062	247.766.062	-
Phí khác	-	1.049.003	1.049.003	-
Cộng	1.757.914.261	10.649.154.117	12.431.183.336	130.841.205
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.118.044.805	10.917.391.512	154.956.163
Thuế thu nhập cá nhân	3.968.656.144	4.290.460.935	2.101.533.183	1.779.728.392
Cộng	3.968.656.144	13.408.505.740	13.018.924.695	1.934.684.555

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định Luật hiện hành của Nhà nước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tiền hoa hồng môi giới	287.392.209	-
Chi phí đào tạo	725.798.492	209.835.816
Chi phí khác	434.219.981	365.791.547
Cộng	1.447.410.682	575.627.363

17. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Phải trả thuế TNCN	2.393.876.387	6.192.498.002
Phải trả cổ tức	6.275.346.075	416.346.075
<i>Phải trả cổ tức Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>	<i>416.346.075</i>	-
<i>Phải trả cổ tức Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai</i>	<i>2.990.250.000</i>	-
<i>Phải trả cổ tức cá nhân</i>	<i>2.868.750.000</i>	416.346.075
Phải trả lãi vay	65.218.000	123.316.000
<i>Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai</i>	<i>65.218.000</i>	<i>123.316.000</i>
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh	-	5.222.030.000
Các khoản phải trả khác	1.189.570.514	907.118.766
Cộng	9.924.010.976	12.861.308.843
b. Dài hạn		
Nhận tiền cọc cho thuê chuyển may	1.188.121.500	1.135.530.000
Cộng	1.188.121.500	1.135.530.000

Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a.									
Ngân hàng	317.123.487.557	317.123.487.557	1.302.822.329.524	1.302.822.329.524	1.290.693.289.496	329.252.527.585	329.252.527.585	329.252.527.585	
Vay ngắn hạn ngân hàng	297.972.487.557	297.972.487.557	1.286.203.437.536	1.286.203.437.536	1.271.542.289.496	312.633.635.597	312.633.635.597	312.633.635.597	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (i)	137.488.814.169	137.488.814.169	637.437.828.383	637.437.828.383	617.488.806.184	157.437.836.368	157.437.836.368	157.437.836.368	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (ii)	61.589.323.288	61.589.323.288	444.309.480.283	444.309.480.283	382.570.211.542	123.328.592.029	123.328.592.029	123.328.592.029	
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP.HCM (iii)	98.894.350.100	98.894.350.100	204.456.128.870	204.456.128.870	271.483.271.770	31.867.207.200	31.867.207.200	31.867.207.200	
Vay dài hạn đến hạn trả	19.151.000.000	19.151.000.000	16.618.891.988	16.618.891.988	19.151.000.000	16.618.891.988	16.618.891.988	16.618.891.988	
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	19.151.000.000	19.151.000.000	16.618.891.988	16.618.891.988	19.151.000.000	16.618.891.988	16.618.891.988	16.618.891.988	
Dãi hạn	21.036.891.988	21.036.891.988	-	-	16.618.891.988	4.418.000.000	4.418.000.000	4.418.000.000	
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (iv)	21.036.891.988	21.036.891.988	-	-	16.618.891.988	4.418.000.000	4.418.000.000	4.418.000.000	
Cộng	338.160.379.545	338.160.379.545	1.302.822.329.524	1.302.822.329.524	1.307.312.181.484	333.670.527.585	333.670.527.585	333.670.527.585	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 2024131/HĐTD/QLN ngày 05 tháng 12 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 6 tháng cho từng khoản vay. Khoản vay này chịu lãi suất điều chỉnh theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng trong năm là 3,3%/năm - 3,8%/năm (năm 2023: 3,5%/năm - 4,4%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2024005/HĐBĐ/QLN ngày 23 tháng 01 năm 2024 (Hợp đồng có giá trị đảm bảo cho tất cả khoản vay của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai trong vòng 20 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thế chấp). Tài sản đảm bảo nợ vay là "Xưởng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu" thuộc sở hữu của Công ty được xây dựng trên thửa đất số 148, tờ bản đồ số 31, diện tích 32.993,7m², thời hạn sử dụng đất 22/10/2065 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CV 388716 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02 tháng 7 năm 2020, giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.221.153.621 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 14.195.716.637) VND (Xem thuyết minh V.8).

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/3202000/HĐTD ngày 19 tháng 9 năm 2024 với hạn mức vay là 160.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức tín dụng được sử dụng chung cho các hình thức: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 3 tháng cho từng khoản vay. Lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong kỳ, lãi suất áp dụng trong năm là 3,1%/năm - 3,9%/năm (năm 2023: 3,6%/năm - 4%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CK 292673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường đảm bảo khoản vay.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.DN.2982.170724 ngày 25 tháng 7 năm 2024 với hạn mức vay là 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức tín dụng được sử dụng chung cho các hình thức: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh trong và ngoài nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Sản xuất trang phục. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 6 tháng cho từng khoản vay. Lãi suất cho vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong kỳ, lãi suất áp dụng trong năm là 3,1%/năm - 3,7%/năm (năm 2023: 3,7%/năm). Công ty sử dụng toàn bộ các khoản phải thu luân chuyển thuộc quyền sở hữu hợp pháp đang hiện hữu hoặc hình thành trong tương lai đảm bảo cho khoản vay này.
- (iv) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai theo các hợp đồng như sau:
- Hợp đồng vay số 06/2016/HĐTD-TD ngày 27 tháng 6 năm 2016 với hạn mức là 80.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 10 năm, thời gian ân hạn là 12 tháng với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu để di dời trụ sở tại Khu Công nghiệp Amata. Số tiền vay được trả hàng tháng là 741.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2017.
 - Hợp đồng vay số 01/2019/HĐTD-TD ngày 02 tháng 01 năm 2019 với hạn mức là 90.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 8 năm, thời gian ân hạn là 6 tháng với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu công suất 1.900.000 sản phẩm/năm tại thị trấn Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Số tiền vay được trả hàng tháng là 1.000.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2019.

Công ty sử dụng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: DM 435508 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02 tháng 02 năm 2024 đảm bảo khoản vay để đảm bảo cho các khoản vay này, giá trị còn lại tại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 46.736.952.585 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 52.595.695.144 VND để đảm bảo cho các khoản vay này (Xem thuyết minh V.8 và V.9).

Các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
Trong vòng 1 năm	16.618.891.988	19.151.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	4.418.000.000	21.036.891.988
Sau 5 năm	-	-
Cộng	21.036.891.988	40.187.891.988
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(16.618.891.988)	(19.151.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	4.418.000.000	21.036.891.988

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Đơn vị tính: VND

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khen thưởng theo hiệu quả	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.728.965.552	383.670.735	2.112.636.287
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	435.047.868	203.022.339	638.070.207
Thu khác trong năm	1.080.000	-	1.080.000
Chi trong năm	(1.233.370.841)	(658.606.795)	(1.891.977.636)
Số dư cuối năm trước	931.722.579	(71.913.721)	859.808.858
Số dư đầu năm nay	931.722.579	(71.913.721)	859.808.858
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	7.961.388.284	3.715.314.533	11.676.702.817
Chi trong năm	(1.749.904.638)	-	(1.749.904.638)
Số dư cuối năm nay	7.143.206.225	3.643.400.812	10.786.607.037

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	57.374.840.000	40.356.424.600	83.856.369.553	181.587.634.153
Lợi nhuận năm nay	-	-	4.900.319.121	4.900.319.121
Trích lập các quỹ	-	290.031.912	(928.102.119)	(638.070.207)
Chia cổ tức	-	-	(8.606.226.000)	(8.606.226.000)
Số dư cuối năm trước	57.374.840.000	40.646.456.512	79.222.360.555	177.243.657.067
Số dư đầu năm nay	57.374.840.000	40.646.456.512	79.222.360.555	177.243.657.067
Lợi nhuận năm nay	-	-	57.318.871.479	57.318.871.479
Trích lập các quỹ	-	5.307.592.189	(16.984.295.006)	(11.676.702.817)
Chia cổ tức (*)	-	-	(20.081.194.000)	(20.081.194.000)
Số dư cuối năm nay	57.374.840.000	45.954.048.701	95.232.793.442	198.561.682.143

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức cho cổ đông năm 2023 với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ theo QĐ số 01/HĐQT-QĐ ngày 20/4/2024 của HĐQT trên cơ sở NQ ĐHCĐ số 116/NQ-ĐHCĐ thường niên năm 2024 ngày 20/4/2024 đã được ĐHCĐ thông qua tại Biên bản họp ĐHCĐ số 115/BB-ĐHCĐ thường niên năm 2024 ngày 20/4/2024.

Đồng thời, Công ty cũng thực hiện tạm trích chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2024 tỷ lệ 20% Vốn điều lệ, theo Nghị quyết số 324/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 12 năm 2024.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	14.951.250.000	26,06	14.951.250.000	26,06
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	14.343.750.000	25,00	14.343.750.000	25,00
Các cổ đông khác	28.079.840.000	48,94	28.079.840.000	48,94
Cộng	57.374.840.000	100,00	57.374.840.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	57.374.840.000	57.374.840.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	57.374.840.000	57.374.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.081.194.000	8.606.226.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.737.484	5.737.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu phổ thông	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu phổ thông	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản xuất, gia công sản phẩm dệt may	1.848.665.391.649	1.482.738.648.656
Doanh thu hoạt động khác	19.780.041.030	825.860.939
Cộng	1.868.445.432.679	1.483.564.509.595

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất, giá công sản phẩm dệt may	1.606.636.653.957	1.301.979.932.172
Giá vốn hoạt động khác	22.019.853.010	143.529.580
Cộng	1.628.656.506.967	1.302.123.461.752
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	133.144.382	6.248.777
Lãi cho vay	1.014.772.602	926.364.383
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.238.227.913	17.039.243.930
Cộng	42.386.144.897	17.971.857.090
4. Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.845.732.520	24.495.944.610
Dự phòng lỗ đầu tư tài chính	180.730.134	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	2.506.213.716	4.420.600.439
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.379.744.328	11.549.694.580
Chi phí tài chính khác	176	-
Cộng	40.912.420.874	40.466.239.629
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nguyên vật liệu	56.109.041.570	34.861.425.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.169.179.462	1.753.802.962
Chi phí khác bằng tiền	8.974.776.140	8.079.041.790
Cộng	68.397.700.902	44.694.270.053
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	76.740.293.201	72.576.056.644
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.237.163.282	2.560.569.814
Chi phí khấu hao	2.184.217.194	2.589.179.776
Thuế, phí và lệ phí	502.369.704	6.375.223.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.772.394.648	4.412.656.615
Chi phí khác bằng tiền	14.194.216.881	9.649.945.051
Cộng	102.630.654.910	98.163.631.864
6. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý TSCĐ	4.941.686.944	687.958.907
Thu từ thanh lý phế liệu	324.000.000	328.702.000
Thuế mái nhà	555.555.556	545.454.546
Thu nhập khác	2.166.408.542	1.170.711.466
Cộng	7.987.651.042	2.732.826.919
7. Chi phí khác		
Chi phí tổn thất hỏa hoạn không được bồi thường	11.120.077.445	11.214.747.938
Các khoản phạt hành chính, thuế	602.345.485	638.301.550
Chi phí khác	62.605.750	-
Cộng	11.785.028.680	11.853.049.488

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.436.916.285	6.968.540.817
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(20.846.692.257)	14.476.221.053
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.943.070.628	16.183.165.913
- Các khoản điều chỉnh giảm	(24.789.762.885)	(1.706.944.860)
Thu nhập chịu thuế	45.590.224.028	21.444.761.870
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.118.044.806	4.288.952.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	2.022.218.909
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.118.044.805	6.311.171.283

9. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.075.921.893	4.900.319.121
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.676.702.817)	(638.070.207)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	11.676.702.817	638.070.207
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.399.219.076	4.262.248.914
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.737.484	5.737.484
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	7.216	743
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.737.484	5.737.484
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.737.484	5.737.484

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	652.534.846.729	403.195.213.083
Chi phí nhân công	553.924.544.179	442.004.844.399
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.746.228.002	45.044.901.969
Chi phí dự phòng	11.548.731.823	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.757.558.763	26.914.598.811
Chi phí khác bằng tiền	531.839.621.215	460.759.537.189
Cộng	1.808.351.530.711	1.377.919.095.451

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay phải trả	65.218.000	123.316.000
Cổ tức phải trả	-	18.699.825
Phải trả tiền mua sắm tài sản	1.444.900.000	1.311.463.300

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Tiền mua sắm tài sản nợ năm trước trả trong năm nay	1.311.463.300	588.557.320

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng) và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Thù lao, lương chuyên trách của thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch	514.602.106	616.598.357
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên	904.876.386	101.129.642
Ông Trần Minh Công	Thành viên	411.681.683	493.278.685
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên	411.681.683	493.278.685
Thù lao, lương chuyên trách của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	308.761.264	369.959.014
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên (Bãi nhiệm từ ngày 20/04/2024)	-	35.395.375
Ông Lê Tiến Thành	Thành viên (Bổ nhiệm 16/04/2022)	144.088.589	163.798.696
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 10/7/2019)	2.358.327.900	2.912.138.608
Ông Vũ Thu Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	1.333.436.944	1.342.600.575
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 01/2/2023)	981.304.153	823.400.051
Ông Huỳnh Nguyễn Cảnh Thịnh	Giám đốc điều hành (Miễn nhiệm ngày 01/02/2024)	98.806.018	289.365.542

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Họ tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Phan Văn Thân	Giám đốc điều hành	731.755.243	639.041.256
Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Giám đốc điều hành	831.558.618	906.517.424
Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc điều hành	791.574.044	638.021.684
Ông Phạm Văn Đoàn	Giám đốc điều hành	902.752.492	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty trong năm có phát sinh giao dịch:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Cổ đông
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Cổ đông	Chia cổ tức	5.232.937.500	2.242.687.500
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông	Chia cổ tức	5.020.312.500	2.151.562.500
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Công ty liên kết	Gia công	945.832.273	978.818.238
		Chi hộ (tiền xăng, phí xuất, nhập hàng)	370.336.196	344.456.876
		Thu tiền bồi thường hàng thành phẩm	117.523.211	145.875.854
		Lãi cho vay	1.014.772.602	926.364.383

Giá hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ cung cấp cho các bên có liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Cho đến cuối năm, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Giá trị khoản phải thu/(phải trả) Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Cổ đông	Phải trả cổ tức	416.346.075	-
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông	Phải trả cổ tức	2.990.250.000	-
		Vay dài hạn	21.036.891.988	40.187.891.988
		Phải trả lãi vay	65.218.000	123.316.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Công ty liên kết	Phải thu tiền chi hộ, cho thuê máy móc thiết bị	12.994.081.726	22.375.433.186
		Cho vay ngắn hạn	23.000.000.000	23.000.000.000
		Phải trả tiền mua hàng	41.871.382.732	8.035.318.193

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất gia công, kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền	150.302.301.258	-	17.472.993.129	-
Phải thu của khách hàng	375.315.535.602	-	319.064.555.735	-
Phải thu về cho vay	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-
Phải thu khác	13.877.462.452	-	34.604.096.848	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	564.495.299.312	-	396.141.645.712	-

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	147.285.647.289	80.162.397.369
Chi phí phải trả	1.447.410.682	575.627.363
Phải trả khác	8.718.256.089	2.582.310.841
Các khoản vay	333.670.527.585	338.160.379.545
Cộng	491.121.841.645	421.480.715.118

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi công nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	486.703.841.645	4.418.000.000	491.121.841.645
Phải trả người bán	147.285.647.289	-	147.285.647.289
Chi phí phải trả	1.447.410.682	-	1.447.410.682
Phải trả khác	8.718.256.089	-	8.718.256.089
Các khoản vay	329.252.527.585	4.418.000.000	333.670.527.585
Số đầu năm	400.443.823.130	21.036.891.988	421.480.715.118
Phải trả người bán	80.162.397.369	-	80.162.397.369
Chi phí phải trả	575.627.363	-	575.627.363
Phải trả khác	2.582.310.841	-	2.582.310.841
Các khoản vay	317.123.487.557	21.036.891.988	338.160.379.545

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường.

Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được phân loại lại phù với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (Được trình bày lại)
Đầu tư vào công ty con	11.000.000.000	(11.000.000.000)	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	-	11.000.000.000	11.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thị Liễu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng

Trên đây là toàn văn Báo cáo thường niên 2024 của Công ty cổ phần Đồng Tiến, được công bố đến quý cổ đông và các bên liên quan theo quy định.

Nơi nhận:

- Các TV.HĐQT, BKS, Ban TGD;
- UB.CKNN (SSC) – b/c;
- Niêm yết Website của UB.CKNN: www.ssc.gov.vn;
- Niêm yết Website của Cty: www.dovitec.com.vn;
- Lưu VT, P.TCKT, Thư ký TCty.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Hoàng